TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỚN QUẢN** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**
Số: 118/2019/QĐST- HNGĐ	*Hớn Quản, ngày 10 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 180/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Thị N, sinh năm 1993
Địa chỉ: Tổ 5, ấp SD, xã PA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Điểu T, sinh năm 1990
Địa chỉ: Tổ 3, ấp XL, xã TQ, huyện HQ, tỉnh Bình Phước

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị N, sinh năm 1993; trú tại tổ 5, ấp SD, xã PA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước và anh Điểu T, sinh năm 1990; trú tại tổ 3, ấp XL, xã TQ, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

Giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 14/6/2013 của Ủy ban nhân dân xã PA, huyện HQ, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Điểu T và chị Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Điểu Anh K, sinh 15/6/2013 và Điểu Trường K1, sinh ngày 24/8/2015 cho chị Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và anh Điểu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 750.000 đồng/tháng/con (bảy trăm năm mươi nghìn đồng một tháng mỗi con).

Anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, anh T và chị N có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Điểu T và chị Thị N thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số 0005320 ngày 10/4/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Trần Văn Nhum

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã PA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.